

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỌ XUÂN
TỈNH THANH HÓA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 94/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 14 - 5 - 2024
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỌ XUÂN, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Minh Tiến

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Đăng Thiện

2. Bà Lê Thị Kim

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Lê Diệu Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Tiến Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 5 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân; Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 343/2023/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 12 năm 2023 về "ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 4 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 17/2024/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1991, địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa; Có mặt.

- Bị đơn: Chị Hoàng Thị Vân A, sinh năm 1999, địa chỉ: Khu phố T, thị trấn S, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Vắng mặt (Vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 08 tháng 11 năm 2023, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn là anh Nguyễn Văn C trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Vân A qua việc tìm hiểu, lấy nhau là do hai bên tự nguyện, có tổ chức cưới hỏi theo phong tục, làm đăng ký kết hôn tại

UBND xã H vào ngày 19/01/2018. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau được 10 ngày đã xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do chị Vân A bỏ nhà đi không nói với ai. Sau đó anh và gia đình đã bỏ qua để vợ chồng chung sống với nhau, nhưng chị Vân A không thay đổi vẫn tự ý bỏ đi một vài lần nữa, mà lần gần nhất là bỏ về nhà bố mẹ đẻ từ tháng 3/2023 đến nay, không quan tâm đến gia đình con cái. Nay anh xác định không còn tình cảm, vợ chồng chung sống không có hạnh phúc, nên anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn.

Về con chung: Anh C xác định vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Huyền M, sinh ngày 21/02/2019. Ly hôn, nguyện vọng của anh C là xin được trực tiếp nuôi con; anh C không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản và công nợ: Anh C xác định vợ chồng không có gì, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Bản tự khai ngày 04/01/2024, bị đơn là chị Hoàng Thị Vân A trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh C tự nguyện tìm hiểu, không bị ai ép buộc, lấy nhau có tổ chức cưới hỏi theo phong tục và đăng ký kết hôn vào ngày 19/01/2018 tại UBND xã H, huyện H. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc, đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do giữa vợ chồng không có tiếng nói chung trong sinh hoạt gia đình, anh C đi làm ăn không chịu về nhà, mà ở ngoài thường xuyên và do ảnh hưởng của việc vợ chồng sinh hoạt chung với bố mẹ chồng. Từ tháng 4/2023 đến nay vợ chồng ly thân. Nay anh C làm đơn ly hôn, quan điểm của chị Vân A là xác định tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị đồng ý ly hôn.

Về con chung: Chị Vân A xác định vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Huyền M, sinh ngày 21/02/2019, con hiện đang ở với anh C và ông bà nội. Ly hôn, nguyện vọng của chị Vân A là xin được trực tiếp nuôi con; chị không yêu cầu phải cấp dưỡng.

Về tài sản và công nợ: Chị Vân A xác định vợ chồng không có gì, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh thông tin về quan hệ hôn nhân giữa anh Nguyễn Văn C và chị Hoàng Thị Vân A theo quy định.

Tại Công văn ngày 29/3/2024 UBND xã H, huyện H cho biết: Ngày 19/01/2018 anh Nguyễn Văn C kết hôn với chị Hoàng Thị Vân A tại UBND xã H, huyện H, số 08 quyển 01 năm 2018. Anh C và chị Vân A sinh sống tại thôn T, xã H từ thời điểm kết hôn đến khoảng năm 2023, hiện tại chị Vân A đã đi khỏi địa phương. Quá trình chung sống anh C và chị Vân A có 01 con chung là cháu Nguyễn Huyền M, sinh ngày 21/02/2019, hiện con đang sinh sống với anh C và ông bà nội tại thôn T, xã H. Về công việc của anh C là lao động tự do, với thu nhập thế nào thì không xác định được.

Tại Biên bản xác minh lập ngày 27/3/2024, đại diện Ủy ban nhân thị trấn S cho biết: Anh Nguyễn Văn C và chị Hoàng Thị Vân A có quan hệ là vợ chồng, đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện H. Vợ chồng có 01 con chung là cháu

Nguyễn Huyền M, sinh ngày 21/02/2019, hiện con đang ở với anh C. Về mâu thuẫn giữa vợ chồng địa phương không nắm bắt được do gia đình không báo cáo và không yêu cầu hòa giải ở cơ sở.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến, như sau:

I. Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:

1. Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

2. Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa: Đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

3. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa hai lần không có lý do, đã vi phạm quyền và nghĩa vụ theo Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn là có căn cứ.

II. Về quan điểm giải quyết vụ án: Sau khi phân tích nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị:

- Về hôn nhân: Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận đơn khởi kiện của anh Nguyễn Văn C, xử cho anh C được ly hôn với chị Vân A.

- Về con chung: Căn cứ Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận đề nghị của anh C, giao con chung là cháu Nguyễn Huyền M, sinh ngày 21/02/2019 cho anh C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; Chị Vân A có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

- Về tài sản, công nợ: Không xem xét.

- Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc anh C phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Nguyễn Văn C khởi kiện đề nghị giải quyết xin được ly hôn với chị Hoàng Thị Vân A, hiện tại đang cư trú tại: Khu phố T, thị trấn S, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân.

Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn Hoàng Thị Vân A đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai, nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn C và chị Hoàng Thị Vân A tự nguyện kết hôn, đã được Ủy ban nhân dân xã H, huyện H cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 19/01/2018, nên xác định quan hệ hôn nhân giữa anh C và chị Vân A là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống từ năm 2023 tình cảm giữa vợ chồng đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng về tình cảm, nơi ở và công việc của hai bên vợ chồng; giữa vợ chồng không có sự tin tưởng, tôn trọng và chia sẻ với nhau, nên thường xuyên xảy ra việc cãi vã, xúc phạm lẫn nhau. Từ tháng 4 năm 2023 vợ chồng ly thân cho đến nay. Quá trình giải quyết vụ án, anh C một mực đề nghị Tòa án giải quyết xin được ly hôn; chị Vân A cũng có văn bản trình bày ý kiến thể hiện quan điểm là đồng ý ly hôn. Do đó, có đủ cơ sở xác định: Quan hệ hôn nhân giữa anh C và chị Vân A đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu giải quyết ly hôn của anh C, xử cho anh Nguyễn Văn C được ly hôn với chị Hoàng Thị Vân A.

[3] Về con chung: Anh Nguyễn Văn C và chị Hoàng Thị Vân A đều xác định vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Huyền M, sinh ngày 21/02/2019.

Xét nguyện vọng xin được nuôi con chung của anh C và chị Vân A, thấy rằng: Con chung là cháu Huyền M đã hơn 5 tuổi, thực tế hiện nay đang ở ổn định với anh C từ sau khi vợ chồng ly thân vào tháng 4/2023 cho đến nay, được anh C và gia đình trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng tốt và hiện tại đang đi học tại trường Mầm non xã H. Quá trình giải quyết vụ án, anh C đã chứng minh được mình có đủ các điều kiện để nuôi con, trong khi chị Vân A không cung cấp tài liệu chứng minh về điều kiện để được trực tiếp nuôi con; bên cạnh đó việc chị Vân A vắng mặt tại các phiên tòa không có lý do, điều đó thể hiện chị Vân A cũng không tha thiết trong việc xin được trực tiếp nuôi con. Do đó, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con, tránh không làm xáo trộn cuộc sống và sinh hoạt của con, xét cần thiết giao con chung cho anh C được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh C không yêu cầu chị Vân A phải cấp dưỡng nuôi con chung, xét đây là sự tự nguyện của anh C và phù hợp với quy định của pháp luật, nên được chấp nhận. Do đó, chị Vân A không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về tài sản và công nợ: Anh Nguyễn Văn C và chị Hoàng Thị Vân A đều xác định vợ chồng không có gì, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, không xem xét.

[5] Về án phí: Anh Nguyễn Văn C phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Về hôn nhân: Xử cho anh Nguyễn Văn C được ly hôn với chị Hoàng Thị Vân A.

2. Về con chung: Anh Nguyễn Văn C và chị Hoàng Thị Vân A có 01 (một) con chung là cháu Nguyễn Huyền M, sinh ngày 21/02/2019.

Giao con chung là cháu Nguyễn Huyền M cho anh Nguyễn Văn C được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị Hoàng Thị Vân A không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Chị Hoàng Thị Vân A có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản và công nợ: Không xem xét.

4. Về án phí: Anh Nguyễn Văn C phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng, anh C đã nộp, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0004968 ngày 19/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thọ Xuân. Như vậy, anh Nguyễn Văn C đã nộp đủ tiền án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Thọ Xuân;
- Chi cục THADS huyện Thọ Xuân;
- P. kiểm tra nghiệp vụ và THA, TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Các đương sự;
- UBND xã Hoàng Thanh, huyện Hoằng Hóa;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀN**

- Lưu hồ sơ.

Lê Minh Tiến